

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 52/2020/DS-ST

Ngày: 08-12-2020

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Phú Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mùa

Ông Phạm Đình Thạch

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thanh – Thư ký Tòa án.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 36/2020/TLST-DS, ngày 05 tháng 6 năm 2020 về việc ***“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”***, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2020/QĐXX-DS ngày 09 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2020/QĐST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lý Hồ A, sinh năm 1965; ***Bà Phạm Thị B***, sinh năm: 1971; Địa chỉ: Kp. 4, Phường LT, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước. Người Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông ***Phan Văn C***, sinh năm 1991; Địa chỉ: thôn ĐL, xã PN, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước tham gia tố tụng (*có mặt*).

Bị đơn: Ông Bùi Văn D, sinh năm 1975; ***Bà Phạm Thị Đ***, sinh năm: 1978; Cùng địa chỉ: Đội 1, thôn BX, xã ĐO, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (*có mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 5 năm 2020 của nguyên đơn ông Lý Hồ A và bà Phạm Thị B, Bản tự khai và lời trình bày tại phiên tòa của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lý Hồ A và bà Phạm Thị B là ông Phan Văn C có nội dung như sau:

Ngày 09 tháng 6 năm 2018 âm lịch, tức ngày 21 tháng 7 năm 2018 dương lịch, vợ chồng ông Lý Hồ A và bà Phạm Thị B có cho vợ chồng ông Bùi Văn D và bà Phạm Thị Đ vay số tiền 225.450.000 (*Hai trăm hai mươi lăm triệu bốn trăm năm mươi ngàn*) đồng và có lập 01 giấy mượn tiền viết tay, hai bên thỏa thuận lãi suất bằng miệng là 03%/ tháng, thời hạn vay là 10 tháng, muộn nhất là đến ngày 09 tháng 4 năm 2019 âm lịch, tức ngày 13 tháng 5 năm 2019 dương lịch, vợ chồng ông D, bà Đ phải hoàn trả

cho vợ chồng ông A, bà B cả tiền gốc vay và lãi. Khi vay không thể chấp tài sản. Tuy nhiên, từ khi vay cho đến nay đã quá hạn trả nợ từ lâu nhưng vợ chồng ông D, bà Đ không trả nợ cho vợ chồng ông A, B được một khoản tiền gốc và lãi nào, mặc dù, ông A và bà B đã đi đòi nhiều lần.

Nay, ông C đại diện cho vợ chồng ông A và bà B yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông D và bà Đ phải trả cho vợ chồng ông A và bà B số tiền gốc vay 225.450.000 (*Hai trăm hai mươi lăm triệu bốn trăm năm mươi ngàn*) đồng và chỉ tính lãi của số tiền gốc trên theo mức lãi suất 0,83%/01 tháng kể từ ngày 13 tháng 5 năm 2019 (*ương lịch*) đến khi kết thúc vụ án.

Quá trình thu thập chứng cứ, bị đơn là bà Phạm Thị Đ có lời khai trình bày như sau:

Trước đây vào khoảng năm 2017, vợ chồng ông D, bà Đ có vay của vợ chồng ông A và bà B số tiền gốc là 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*) có lập giấy tay, lãi hai bên thỏa thuận miệng với nhau và hẹn đến ngày 21 tháng 7 năm 2018 thì trả cả gốc và lãi, nhưng do làm ăn khó khăn nên đến hạn trả mà vợ chồng ông D, bà Đ vẫn chưa trả cho vợ chồng ông A, bà B được một khoản tiền gốc và lãi nào. Đến ngày 21 tháng 7 năm 2018 thì vợ chồng ông D, bà Đ chót nợ lại với vợ chồng ông A và bà B cả gốc và lãi cộng lại là 225.450.000 đồng (*Hai trăm hai mươi lăm triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng*) và hẹn đến ngày 09 tháng 4 năm 2019 thì trả hết nợ. Nay, bà Đ xác nhận và đồng ý trả cho vợ chồng ông A và bà B số tiền gốc đang nợ là 225.450.000 đồng (*Hai trăm hai mươi lăm triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng*) và yêu cầu ông A, bà B không tính lãi. Thời hạn thanh toán là trả dần cho đến khi hết nợ.

Ông Bùi Văn D vắng mặt trong suốt quá trình thu thập chứng cứ và không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông D có mặt và cũng thống nhất như lời trình bày của bà Đ

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lý Hồ A và bà Phạm Thị B. Buộc ông Bùi Văn D và bà Phạm Thị Đ phải có nghĩa vụ trả cho ông Lý Hồ A và bà Phạm Thị B số tiền là gốc là 225.450.000 đồng (*Hai trăm hai mươi lăm triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng*) và Đình chỉ yêu cầu tính lãi suất do đại diện nguyên đơn rước yêu cầu tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền của Toà án:

Đây là vụ án dân sự về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” do nguyên đơn ông Lý Hồ A và bà Phạm Thị B thực hiện quyền khởi kiện. Bị đơn ông Bùi Văn D và bà Phạm Thị Đ có địa chỉ cư trú tại thôn BX, xã ĐỒ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Phân tích nội dung và yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Về tiền nợ gốc:

Tại phiên tòa, ông Phan Văn C đại diện theo uỷ quyền của ông Lý Hồ A và bà Phạm Thị B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc bị đơn là ông Bùi Văn D và bà Phạm Thị Đ có nghĩa vụ trả cho ông A, bà B số tiền gốc vay 225.450.000 đồng (*Hai trăm hai mươi lăm triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng*), Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào giấy vay tiền lập ngày 21 tháng 7 năm 2018 do bà Đ, ông D ký tên ở phần người vay thể hiện ông D và bà Đ có vay của ông A, bà B với số tiền là 225.450.000 đồng (*Hai trăm hai mươi lăm triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng*). Hơn nữa quá trình thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa, bà Đ, ông D trình bày: khoảng năm 2017 vợ chồng bà có vay của ông A và bà B với số tiền là 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*) có làm biên nhận, mục đích vay là để làm ăn có hạn đến hạn đến ngày 21 tháng 7 năm 2018 dương lịch sẽ trả, hai bên có thỏa thuận lãi suất 3%/tháng và không thể chấp tài sản, do đến hạn không có tiền trả nên ông bà có chót nợ gốc và lãi là 225.450.000 đồng và lập một giấy vay tiền mới cho ông A, bà B và hạn ngày 13 tháng 5 năm 2019 sẽ trả. Từ khi vay cho đến nay, ông bà chưa trả cho ông A, bà B được tiền gốc và tiền lãi lần nào.

Xét thấy, lời trình bày của bà Đ, ông D không được người đại diện theo uỷ quyền của ông A, bà B là ông C thừa nhận. Ông C cho rằng, ông A, bà B chỉ cho bà Đ, ông D vay tiền một lần vào ngày 21 tháng 7 năm 2018 với số tiền là 225.450.000 đồng (*Hai trăm hai mươi lăm triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng*) và đến nay chưa trả. Về phía bà Đ, ông D cũng không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh cho việc chót nợ gốc và lãi của những khoản vay trước đó khoảng năm 2017.

Từ những phân tích nêu trên cho thấy, việc giao kết hợp đồng giữa các đương sự là có thật trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo các nguyên tắc và điều kiện của giao dịch hợp đồng dân sự được quy định tại các Điều 385, 401, 463 Bộ Luật dân sự. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Đ, ông D đã vi phạm nghĩa vụ A toán khi đến hạn trả nợ, mặc dù ông ông A, bà B đã đi đòi nhiều lần.

Tuy nhiên, quá trình thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa, bà Đ, ông D cũng

đồng ý trả nợ cho ông A, bà B với số tiền gốc nêu trên nhưng xin được trả dần cho đến khi hết nợ.

Xét thấy, việc bà Đ, ông D thừa nhận và xin trả dần số nợ nêu trên cho đến khi hết nợ đối với ông A, bà B là không thể hiện thiện chí, cố tình dây dưa kéo dài. Vì vậy, nguyên đơn là ông A, bà B do ông C làm đại diện theo uỷ quyền yêu cầu bà Đ và ông D phải có nghĩa vụ trả số tiền gốc đã vay là 225.450.000 đồng (*Hai trăm hai mươi lăm triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng*) là có căn cứ và phù hợp với pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về lãi suất:

Trong quá trình khởi kiện và thu thập chứng cứ, ông C đại diện cho ông A, bà B cũng như bà Đ, ông D đều thừa nhận, mặc dù trong giấy vay tiền lập ngày 21 tháng 7 năm 2018 không thể hiện lãi suất, nhưng các bên có thoả thuận miệng với nhau là 03%/tháng. Quá trình thu thập chứng cứ, ông C đại diện cho ông A, bà B chỉ yêu cầu Toà án buộc bà Đ, ông D phải trả tiền lãi cho ông A, bà B theo mức lãi suất là 0,83%/tháng, về phía bà Đ, ông D yêu cầu Toà án không tính lãi. Tuy nhiên tại phiên tòa, qua phân tích của HĐXX, ông C đại diện cho ông A, bà B rút yêu cầu tính lãi mà chỉ yêu cầu bà Đ, ông D trả cho ông A, bà B số tiền gốc là 225.450.000 đồng (*Hai trăm hai mươi lăm triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng*). Xét thấy, đây là thiện chí của ông C trên tinh thần tự nguyện nên được HĐXX chấp nhận yêu cầu này. Do ông C đại diện cho ông A, bà B rút yêu cầu khởi kiện về tiền lãi nên cần Đình chỉ một phần việc giải quyết vụ án.

[3] Đối với bài phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đ, ông D phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; 217 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 385, 401, 463, 466 của Bộ Luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lý Hồ A, bà Phạm Thị B về tranh "Hợp đồng vay tài sản".

2. Tuyên xử:

Buộc ông Bùi Văn D và bà Phạm Thị Đ phải có trách nhiệm trả cho ông Lý Hồ A, bà Phạm Thị B số gốc đã vay là 225.450.000 đồng (*Hai trăm hai mươi lăm triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền phải trả cho người thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm, nếu không thỏa thuận được thì theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đình chỉ một phần việc giải quyết vụ án đối với yêu cầu tính lãi của ông Lý Hồ A, bà Phạm Thị B.

3. Án phí DSST: ông Bùi Văn D và bà Phạm Thị Đ phải nộp 11.272.500 đồng (*Mười một triệu hai trăm bảy mươi hai ngàn năm trăm đồng*). Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí là 6.261.250 đồng (*Sáu triệu hai trăm sáu mươi một ngàn hai trăm năm mươi đồng*) cho ông Lý Hồ A, bà Phạm Thị B đã nộp theo biên lai thu số 0019266; Quyền số 000386, ngày 04 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh BP;
- VKSND huyện Bù Gia Mập;
- Chi cục THADS huyện Bù Gia Mập;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Văn Phú Vinh